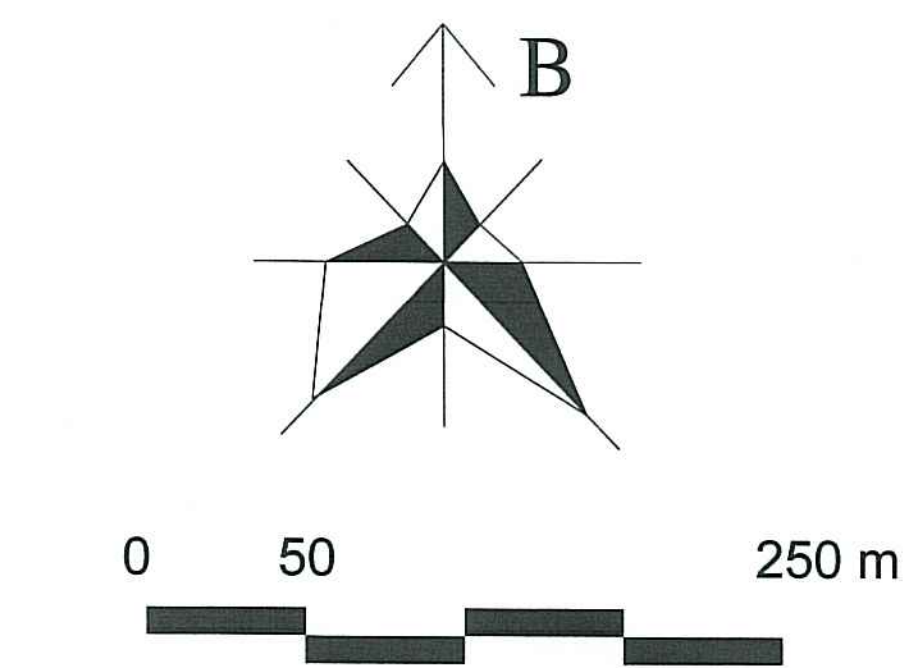


BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT



BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT														
STT	Hạng mục	Ký hiệu	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Diện tích xây dựng tối đa (m ²)	Tầng cao tối đa (tầng)	Diện tích sản tại địa (m ²)			Hệ số sử dụng đất (hệ số)	Số căn hộ (căn)	Dân số/ học sinh (người/học sinh)	Chỉ tiêu đạt được (m ² /người)
								Dịch vụ	Ở	Tổng				
A	Đất dân dụng	-	1.945.304	98,63%	-	656.521	25	664.771	2.954.548	3.519.318	1,81	-	40.000	48,63
1	Đất công trình dịch vụ - công cộng cấp đô thị	CCDT	96.996	4,92%	43-60	61.485	3-7	230.613	-	230.613	2,38	-	-	2,42
-	Đất công trình công cộng - dịch vụ thương mại cấp đô thị	CCDT-M	40.728	-	60	24.437	3	73.310	-	73.310	1,80	-	-	-
-	Đất công trình công cộng - dịch vụ thương mại cấp đô thị	CCDT-M2	37.349	-	43	18.017	5	80.085	-	80.085	2,15	-	-	-
-	Đất công trình công cộng - công viên hóa	CCDT-03	19.019	-	58	11.031	7	77.217	-	77.217	4,08	-	-	-
2	Đất cây xanh cấp đô thị	-	179.254	9,09%	5	13.636	1	13.636	-	13.636	0,08	-	-	4,48
2.1	Đất công viên cây xanh cấp đô thị	CCBT	142.707	7,24%	5	4.500	1	4.500	-	4.500	0,03	-	-	-
2.2	Đất cây xanh TDTT cấp đô thị	TDTT	36.547	1,85%	25	9.137	1	9.137	-	9.137	0,25	-	-	0,91
3	Đất trường học cấp đô thị (Trường phổ thông trung học)	PTTH	28.015	1,42%	40	11.206	3	33.616	-	33.616	1,20	-	1.600	0,70
4	Đất giao thông cấp đô thị	-	162.837	8,37%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.1	Đất đường giao thông cấp đô thị	-	161.407	8,18%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.2	Đất bãi đỗ xe	BDX	31.424	1,59%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
5	Đất đơn vị ở, nhóm ở độc lập	-	1.448.208	73,42%	-	580.194	-	286.903	2.954.548	3.241.451	2,24	-	40.000	36,21
5.1	Đất công cộng - dịch vụ cấp đơn vị ở	-	40.078	2,03%	40	18.031	3-4	60.653	-	60.653	1,51	-	-	1,00
a	Đất công trình công cộng - dịch vụ cấp đơn vị ở	CCĐVO	31.399	1,59%	40	12.560	4	50.238	-	50.238	1,60	-	-	0,78
-	Đất công trình công cộng - dịch vụ cấp đơn vị ở	CCĐVO-01	5.764	-	40	2.306	4	9.222	-	9.222	1,60	-	-	-
-	Đất công trình công cộng - dịch vụ cấp đơn vị ở	CCĐVO-02	14.082	-	40	5.873	4	23.491	-	23.491	1,60	-	-	-
-	Đất công trình công cộng - dịch vụ cấp đơn vị ở	CCĐVO-03	10.953	-	40	4.381	4	17.525	-	17.525	1,60	-	-	-
b	Đất công trình y tế ĐVO	YTBVO	8.679	0,44%	40	3.472	3	10.415	-	10.415	1,20	-	-	0,22
5.2	Đất cây xanh cấp đơn vị ở	CXBVO	147.315	7,47%	5	6.248	1	6.248	-	6.248	0,04	-	-	3,68
a	Đất cây xanh công viên cấp đơn vị ở	YTBVO	129.671	6,51%	5	1.535	1	1.535	-	1.535	0,01	-	-	-
b	Đất cây xanh TDTT cấp ĐVO	YTBVO	18.654	0,96%	25	4.714	1	4.714	-	4.714	0,25	-	-	-
5.3	Đất trường học cấp đơn vị ở	-	110.947	5,61%	40	44.339	3	133.016	-	133.016	1,20	-	-	2,77
b	Đất trường trung học cơ sở	THCS	35.149	1,83%	40	14.459	3	43.378	-	43.378	1,20	-	2.200	0,90
c	Đất trường tiểu học	TH	39.708	2,01%	40	15.883	3	47.650	-	47.650	1,20	-	2.600	0,89
c	Đất trường mầm non	TMN	34.991	1,77%	40	13.996	3	41.989	-	41.989	1,20	-	2.000	0,87
5.4	Đất ở mới	-	790.363	40,08%	18-55	513.575	5-25	85.988	2.954.548	3.041.533	3,85	-	40.000	19,75
a	Đất ở - nhà liền kề	BT	100.078	5,07%	60-80	68.789	5	5.589	310.708	310.708	3,10	517	1.913	-
b	Đất ở - nhà liền kề	LK	376.259	19,08%	80-95	336.655	5	1.683.276	1.683.276	4,47	4.510	15.787	-	-
c	Đất ở - chung cư cao tầng	CCCT	110.212	5,59%	37	40.778	25	40.778	604.032	604.032	5,85	-	14.980	-
d	Đất ở - nhà ở xã hội	NOXH	159.898	8,11%	18-18	26.838	10	45.207	158.910	205.117	1,28	-	6.700	-
-	Đất ở - nhà ở xã hội	NOXH-01	62.216	-	18	11.199	10	19.504	66.104	87.608	1,41	-	2.440	-
-	Đất ở - nhà ở xã hội	NOXH-02	97.682	-	16	15.639	10	26.703	90.805	117.508	1,20	-	3.260	-
e	Đất ở tái định cư	TĐC	43.616	2,23%	90	39.524	5	-	197.622	197.622	4,50	491	1.720	-
5.5	Đất giao thông ĐVO	-	359.015	18,23%	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
B	Đất xây dựng ngoài phạm vi khu dân dụng	-	28.876	1,37%	-	8.885	1	18.745	-	18.745	0,70	-	-	-
1	Đất cơ quan	CGHC	8.217	0,42%	40	3.287	4	13.147	-	13.147	1,60	-	-	-
2	Đất hạ tầng kỹ thuật	HTKT	18.659	0,96%	30	5.599	1	5.599	-	5.599	0,30	-	-	-
	TỔNG	-	1.972.180	100,00%	-	665.405	25	583.516	2.954.548	3.538.063	1,79	-	40.000	-

(*) Mật độ xây dựng là mật độ xây dựng tối đa của đất. MEXD tổng là đất (nhất) được xác định có thể trong giai đoạn đầu tư xây dựng, đảm bảo tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành



KÍ HIỆU:

- RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH
- RANH GIỚI XÃ, THỊ TRẤN
- CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỒ
- VIA HẸ
- TÌM ĐƯỜNG
- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG

- ĐẤT CÔNG CỘNG - DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI CẤP ĐÔ THỊ
- ĐẤT CÔNG CỘNG - DỊCH VỤ CẤP ĐƠN VỊ Ở
- ĐẤT Y TẾ ĐƠN VỊ Ở
- ĐẤT CƠ QUAN HÀNH CHÍNH
- ĐẤT TRƯỜNG PHỔ THÔNG TRUNG HỌC
- ĐẤT TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
- ĐẤT TRƯỜNG TIỂU HỌC
- ĐẤT TRƯỜNG MẦM NON
- ĐẤT Ở CHUNG CƯ CAO TẦNG
- ĐẤT Ở LIỀN KỀ
- ĐẤT Ở BIỆT THỰ
- ĐẤT Ở - TÁI ĐỊNH CƯ
- ĐẤT NHÀ Ở XÃ HỘI
- ĐẤT CÂY XANH ĐÔ THỊ
- ĐẤT CÂY XANH ĐƠN VỊ Ở
- ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT
- ĐẤT BÃI ĐÓNG XE TẬP TRUNG
- MẶT NƯỚC, HỒ CẢNH QUAN

A B C D E

A: TÊN LÔ ĐẤT
B: DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT (M²)
C: MẬT ĐỘ XÂY DỰNG TỐI ĐA (%)
D: TẦNG CAO TỐI ĐA (TẦNG)
E: SỐ CĂN HỘ (CĂN)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ NGÀY THÁNG NĂM 2021

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG

KÈM THEO BẢO CÁO THẨM ĐỊNH NGÀY THÁNG NĂM 2021

CƠ QUAN TỜ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA

KÈM THEO VẤN BẢN SỐ NGÀY THÁNG NĂM 2021

TÊN CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 KHU ĐÔ THỊ MỚI HẬU NGHĨA - ĐỨC HÒA

ĐỊA ĐIỂM: TT HẬU NGHĨA, X.ĐỨC LẬP THƯỢNG, X.TÂN MỸ, H.ĐỨC HÒA, T.LONG AN

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ: QH-04 | GHÉP: 1A0 | TỶ LỆ: | NGÀY: .../.../2021

THỂ HIỆN: KTS. LÊ HOÀNG HIỆP

THIẾT KẾ: KTS. NGUYỄN QUANG HUY

CHỦ TRÌ: THS. KTS. NGUYỄN MẠNH CƯỜNG

CHỦ NHIỆM: THS. KTS. NGUYỄN MAI PHƯƠNG

Q.L. KỸ THUẬT: THS. KTS. NGUYỄN MAI PHƯƠNG

VIỆN TRƯỞNG: GS. TS. KTS. ĐOÀN MINH KHÔI

VIỆN QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ ĐHXD
TRỤ SỞ: P. 101A1, 55 ĐƯỜNG GIẢI PHÓNG-HAI BÀ TRUNG-HÀ NỘI
TEL: 04.3.6.284230 FAX: 04.3.6.284231

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

0 50 250 m

MẶT CÁT 1A-1A (ĐƯỜNG 3/2 KÉO DÀI)

MẶT CÁT 1B-1B (ĐƯỜNG 3/2 KÉO DÀI)

MẶT CÁT 1C-1C (ĐƯỜNG 3/2 KÉO DÀI)

MẶT CÁT 2-2 (ĐƯỜNG BẦU CỎNG)

MẶT CÁT 5-5

MẶT CÁT 6-6

MẶT CÁT 3-3

MẶT CÁT 4-4

KÍ HIỆU

- RANH GIỚI NGHIÊN CỨU
- RANH GIỚI XÃ, THỊ TRẤN
- CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ
- VÍA HÈ
- TÌM ĐƯỜNG
- CHỈ GIỚI XÂY DỰNG
- CÂY XANH, THÂM CỎ
- CÂY XANH BÓNG MÁT
- CÂY XANH TRANG TRÍ
- CÔNG TRÌNH
- KÝ HIỆU MẶT CÁT
- TRƯỜNG MẦM NON
- TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
- TRƯỜNG TIỂU HỌC
- TRƯỜNG PHỔ THÔNG TRUNG HỌC
- A: TÊN Ồ ĐẤT
- B: DIỆN TÍCH Ồ ĐẤT

GHI CHÚ:

- CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG - DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI CẤP ĐỘ THỊ
- CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG - DỊCH VỤ CẤP ĐƠN VỊ Ồ
- CÔNG TRÌNH Y TẾ CẤP ĐƠN VỊ Ồ
- CÔNG TRÌNH CƠ QUAN HÀNH CHÍNH
- TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
- CÔNG TRÌNH ĐẦU MỐI HẠ TẦNG KỸ THUẬT
- NHÀ Ở TÁI ĐỊNH CƯ
- NHÀ Ở CHUNG CƯ CAO TẦNG
- NHÀ Ở BIỆT THỰ
- NHÀ Ở LIÊN KẾ
- NHÀ Ở XÃ HỘI
- BÀI ĐỒ XE
- CÂY XANH ĐƠN VỊ Ồ
- CÂY XANH ĐỘ THỊ
- KHU THỂ DỤC THỂ THAO CẤP ĐƠN VỊ Ồ
- KHU THỂ THAO CẤP ĐỘ THỊ
- MẶT NƯỚC

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ NGÀY THÁNG NĂM 202

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:

PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG

KÈM THEO BÁO CÁO THẨM ĐỊNH NGÀY THÁNG NĂM 202

ĐƠN VỊ TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA

KÈM THEO VĂN BẢN SỐ NGÀY THÁNG NĂM 202

TÊN CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 KHU ĐÔ THỊ MỚI HẬU NGHĨA - ĐỨC HÒA

ĐỊA ĐIỂM: TT HẬU NGHĨA, X.ĐỨC LẬP THƯỢNG, X.TÂN MỸ, H.ĐỨC HÒA, T. LONG AN

TÊN BẢN VẼ:

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

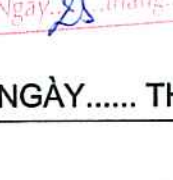
BẢN VẼ: QH-05	GHÉP: 1A0	TỶ LỆ:	NGÀY: .../.../202
THỂ HIỆN	KTS. LÊ HOÀNG HIỆP		
THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN QUANG HUY		
CHỦ TRÌ	THS. KTS. NGUYỄN MẠNH CƯỜNG		
CHỦ NHIỆM	THS. KTS. NGUYỄN MAI PHƯƠNG		
Q.L. KỸ THUẬT	THS. KTS. NGUYỄN MAI PHƯƠNG		
VIỆN TRƯỞNG	GS. TS. KTS. ĐOÀN MINH KHÔI		

VIỆN QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ ĐHXD

TRỤ SỞ: P.101A1, 55 ĐƯỜNG GIẢI PHÓNG-HAI BÀ TRUNG-HÀ NỘI

TEL: 04.3.6.284230 FAX: 04.3.6.284231

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA



KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ NGÀY THÁNG NĂM 2021

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG

KÈM THEO BÁO CÁO THẨM ĐỊNH NGÀY THÁNG NĂM 2021

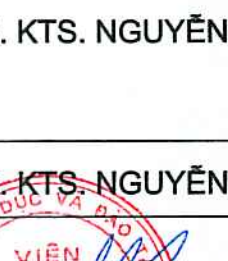
ĐƠN VỊ TO CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA *uy*
CHỨC TỊCH

CHỨC TỊCH
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG

KÈM THEO VĂN BẢN SỐ NGÀY THÁNG NĂM 2021

TÊN CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH CẠCH BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG
TỶ LỆ 1/500 KHU ĐÔ THỊ MỚI HẠNG NGHĨA - ĐỨC HÒA
ĐỊA ĐIỂM: T. HẠNG NGHĨA, X. ĐỒ LẬP THƯỜNG, X. TÂN MỸ, H. ĐỨC HÒA, T. LONG AN

TÊN BẢN VẼ:
SƠ ĐỒ T. CHỨC KHÔNG GIAN
KIẾN TRÚC CẢNH QUAN

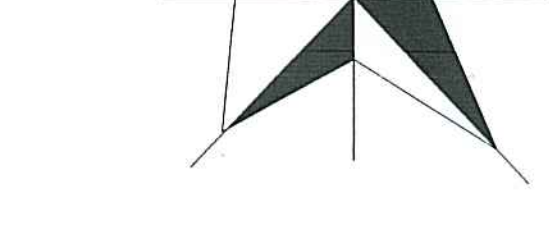
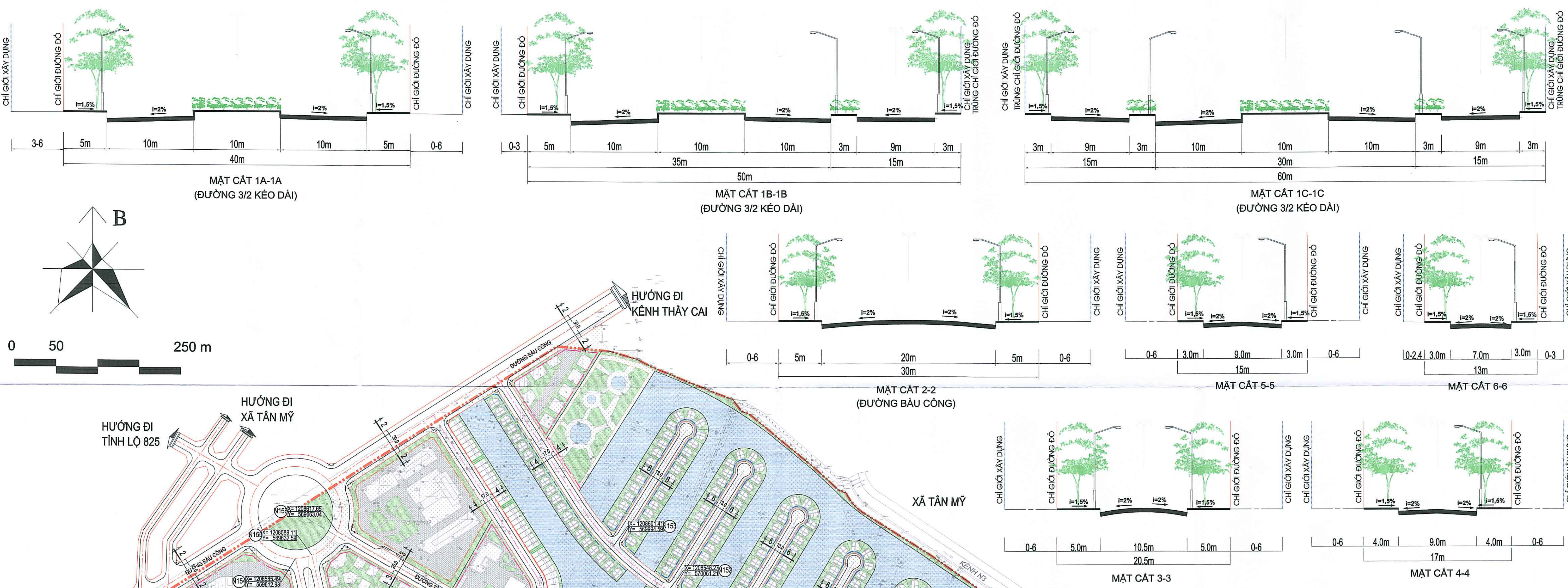
BẢN VẼ: QH-05	GHEP: 1A0	TÝ LỆ:	NGÀY: .../.../2021
THỂ HIỆN	KTS. LÊ HOÀNG HIẾP		<i>le</i>
THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN QUANG HUY		<i>th</i>
CHỦ TRÌ	THS. KTS. NGUYỄN MẠNH CƯỜNG		<i>Minh</i>
CHỦ NHIỆM			
Q.L KÝ THUẬT	THS. KTS. NGUYỄN MAI PHƯƠNG		<i>Phu</i>
VIỆN TRƯỞNG			
GS-TS.KTS. ĐOÀN MINH KHÔI			

UAI **VIỆN QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ VÀ CẢNH QUAN**
 TRƯỞNG: P. 101A1, 55 ĐƯỜNG GIẢI PHÓNG-HAI BÀ TRUNG-HÀ NỘI
 TEL : 04.3.6.284230 FAX: 04.3.6.284231

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 KHU ĐÔ THỊ MỚI HẬU NGHĨA - ĐỨC HÒA

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ, CHỈ GIỚI XÂY DỰNG VÀ HÀNH LANG BẢO VỆ CÁC TUYẾN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

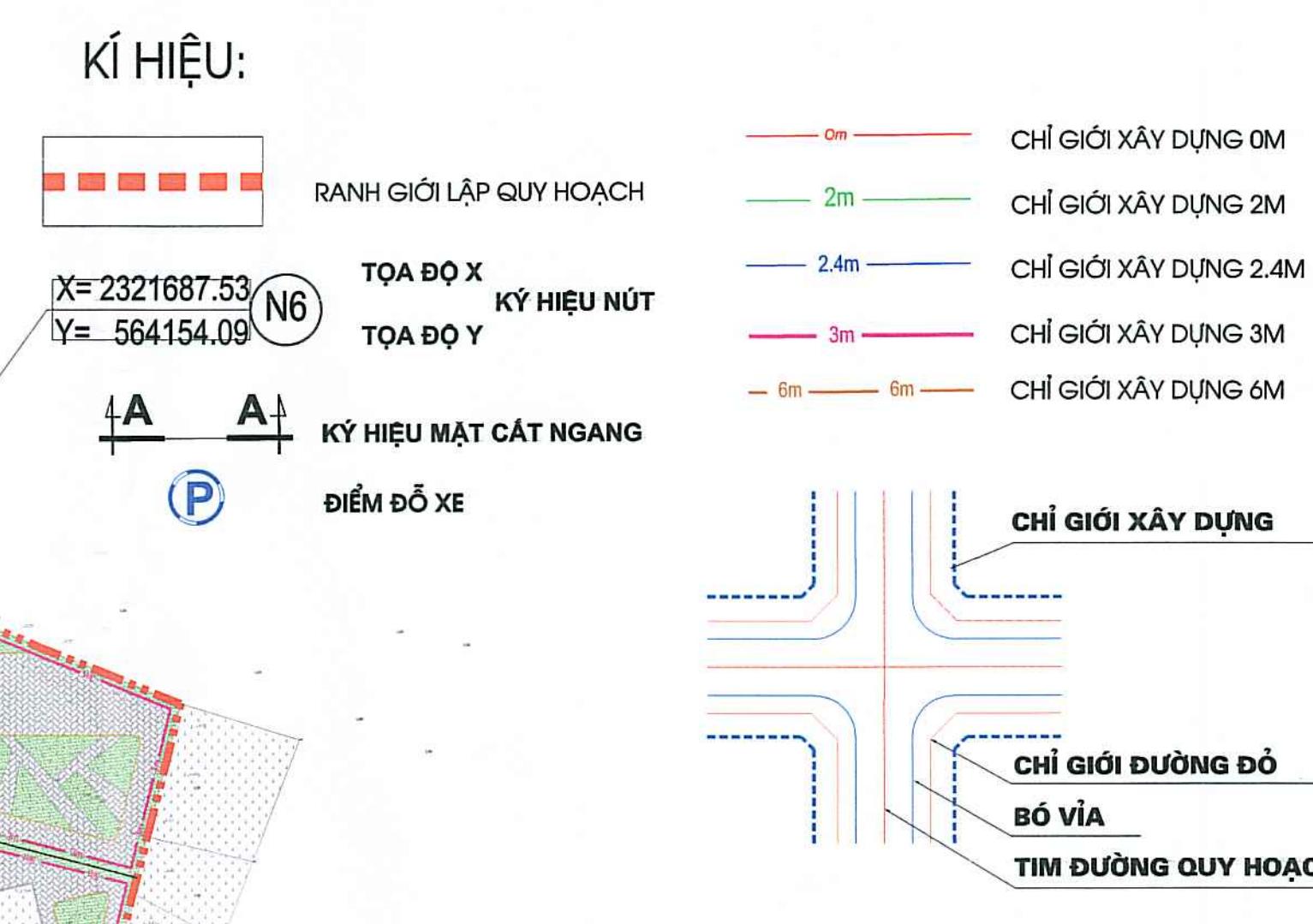
MẶT CẮT NGANG ĐIỂN HÌNH :



0 50 250 m



BẢNG TỌA ĐỘ TÊN MẶT			N52	N207443,700	N69891,689	N105	N207756,948	575004,221
TÊN MẶT	TỌA ĐỘ X	TỌA ĐỘ Y	N53	N207453,776	N69896,190	N106	N207781,668	570277,293
N1	N206989,674	569841,260	N54	N207456,549	569870,377	N107	N207783,122	569911,515
N2	N206987,878	569954,362	N55	N207461,594	569875,984	N108	N207784,683	569916,583
N3	N206987,474	569954,984	N56	N207463,776	569892,063	N109	N207803,168	569925,974
N4	N207010,334	569971,920	N57	N207467,384	570120,260	N110	N207803,259	570034,059
N5	N207028,814	569959,988	N58	N207472,434	570134,332	N111	N207803,541	570287,267
N6	N207028,545	569959,988	N59	N207481,099	570134,332	N112	N207803,541	570287,267
N7	N207084,271	569947,021	N60	N207481,730	569603,013	N113	N207849,570	570296,727
N8	N207087,051	569959,208	N61	N207497,643	569845,194	N114	N207851,852	570303,095
N9	N207087,698	569959,208	N62	N207501,653	569845,194	N115	N207851,852	570303,095
N10	N207074,277	569956,894	N63	N207507,645	569892,057	N116	N207887,935	570290,314
N11	N207098,569	569960,399	N64	N207511,257	570102,124	N117	N207889,836	569904,894
N12	N207114,482	569959,208	N65	N207515,977	570333,366	N118	N207893,444	570324,091
N13	N207117,714	569959,208	N66	N207521,081	570333,366	N119	N207893,444	570324,091
N14	N207124,448	569979,443	N67	N207519,754	569954,341	N120	N207896,163	570246,163
N15	N207135,562	569981,727	N68	N207527,493	569945,879	N121	N207920,463	569934,429
N16	N207135,562	569981,727	N69	N207527,493	569945,879	N122	N207920,463	569934,429
N17	N207162,512	569970,771	N70	N207537,099	569495,002	N123	N207937,517	570103,085
N18	N207170,351	570412,151	N71	N207545,673	569898,385	N124	N207947,565	569963,261
N19	N207177,569	570187,634	N72	N207551,977	569985,696	N125	N207950,356	569973,195
N20	N207180,440	569981,727	N73	N207557,777	569985,696	N126	N207950,356	569973,195
N21	N207190,529	569916,226	N74	N207559,850	570323,320	N127	N207977,583	569974,076
N22	N207200,355	569962,099	N75	N207561,078	570353,083	N128	N207981,197	570083,862
N23	N207200,355	569962,099	N76	N207561,078	570353,083	N129	N207981,197	570083,862
N24	N207215,433	570009,808	N77	N207563,697	569874,713	N130	N207995,371	569882,879
N25	N207220,562	570009,808	N78	N207593,584	569901,576	N131	N207919,555	570171,296
N26	N207220,562	570009,808	N79	N207593,584	569901,576	N132	N208025,054	569969,073
N27	N207237,102	569981,727	N80	N207603,724	570331,314	N133	N208025,054	569969,073
N28	N207244,409	569952,093	N81	N207604,951	570521,077	N134	N207803,957	570206,139
N29	N207248,016	570170,290	N82	N207611,714	570282,168	N135	N208168,007	570126,021
N30	N207248,016	570170,290	N83	N207611,714	570282,168	N136	N208168,007	570126,021
N31	N207257,481	569847,369	N84	N207621,720	569895,004	N137	N208206,895	570283,727
N32	N207259,566	570392,082	N85	N207631,178	570082,904	N138	N208226,375	569646,598
N33	N207259,566	570392,082	N86	N207631,178	570082,904	N139	N208226,375	569646,598
N34	N207265,763	569981,727	N87	N207647,174	570304,642	N140	N208301,363	570374,837
N35	N207268,292	569942,087	N88	N207648,525	569959,657	N141	N208258,505	569887,478
N36	N207271,680	570160,294	N89	N207648,525	570551,071	N142	N208262,652	570076,978
N37	N207271,680	570160,294	N90	N207648,525	570551,071	N143	N208262,652	570076,978
N38	N207303,687	570589,785	N91	N207661,817	569424,445	N144	N208372,394	570358,677
N39	N207332,156	569932,081	N92	N207668,202	570047,233	N145	N208390,363	5703873,366
N40	N207332,156	569932,081	N93	N207668,202	570047,233	N146	N208390,363	5703873,366
N41	N207340,483	570373,350	N94	N207686,849	570500,399	N147	N208416,169	570284,620
N42	N207341,711	570381,113	N95	N207689,835	569855,096	N148	N208426,315	569855,843
N43	N207376,629	569925,075	N96	N207701,467	570047,233	N149	N208459,180	570211,856
N44	N207376,629	569925,075	N97	N207713,075	570064,227	N150	N208459,180	570211,856
N45	N207384,356	570363,344	N98	N207717,795	570287,299	N151	N208603,706	570136,530
N46	N207385,394	570521,107	N99	N207724,246	570490,993	N152	N208640,247	570061,207
N47	N207393,833	569652,081	N100	N207731,811	570287,299	N153	N208640,247	570061,207
N48	N207395,944	569925,075	N101	N207745,772	569971,594	N154	N208640,247	570061,207
N49	N207425,510	570130,266	N102	N207748,552	569803,781	N155	N208689,116	569632,550
N50	N207425,510	570130,266	N103	N207748,552	569803,781	N156	N208689,116	569632,550
N51	N207492,458	570561,101	N104	N207757,785	569935,467			



CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA

KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ NGÀY THÁNG NĂM 2021

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TẦNG

KÈM THEO BÁO CÁO THẨM ĐỊNH NGÀY THÁNG NĂM 2021

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA

TÊN CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/500 KHU ĐÔ THỊ MỚI HẬU NGHĨA - ĐỨC HÒA

ĐỊA ĐIỂM: T. HẬU NGHĨA, X. ĐỨC LẬP THƯỢNG, X. TÂN MỸ, H. ĐỨC HÒA, T. LONG AN

TÊN BẢN VẼ:
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ, CHỈ GIỚI XÂY DỰNG VÀ HÀNH LANG BẢO VỆ CÁC TUYẾN HẠ TẦNG KỸ THUẬT

BẢN VẼ: QH-07B	GHÉP: 1A0	TỶ LỆ:	NGÀY: .../.../2021
THỂ HIỆN	KS. LÊ VĂN BA		
THIẾT KẾ	KS. LÊ VĂN BA		
CHỦ TRÌ	NGUYỄN THỊ CƯƠNG		
CHỦ NHIỆM	THS. KTS. NGUYỄN MẠNH CƯỜNG		
Q.L. KỸ THUẬT	THS. KTS. NGUYỄN MAI PHƯƠNG		
VIỆN TRƯỞNG	GS. TS. KTS. ĐOÀN MINH KHÔI		

VIỆN QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC ĐÔ THỊ ĐHXD
TRỤ SỞ : P. 101A1, 55 ĐƯỜNG GIẢI PHÓNG-HAI BÀ TRUNG-HÀ NỘI
TEL : 04.3.6.284230 FAX : 04.3.6.284231

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH THÔNG TIN LIÊN LẠC

THỀ GHÉT KHU ĐỒ THỊ MỚI HẬU NGHĨA - ĐỨC HOA ĐÃ ĐƯỢC PHÉP ĐUỆT, NHƯ CẦU THÔNG TIN LIÊN LẠC CỦA KHU VỰC KHỔNG 27.940 THUẾ BAO

ĐỂ AN ĐIỀU CHỈNH CHỈ ĐIỀU CHỈNH LÊN ĐUONG CÁC TỬ CẤP, GIỮ NGUYÊN VỊ TRÍ VÀ PHÂN VÙNG THÔNG TIN

NGUỒN THÔNG TIN CỦA KHU VỰC ĐƯỢC LẤY TỪ TRUNG TÂM VIỆN THÔNG HIỆN ĐỒ HÓA

- TOÀN BỘ HỆ THỐNG CẤP ĐIỆN THOẠI ĐƯỢC LƯỚI TRONG ỔNG BẢO VỆ PVC D10, CÁC ĐOẠN ỔNG BĂNG KUA ĐƯỜNG ĐƯỢC LƯỚI TRONG ỔNG THÉP

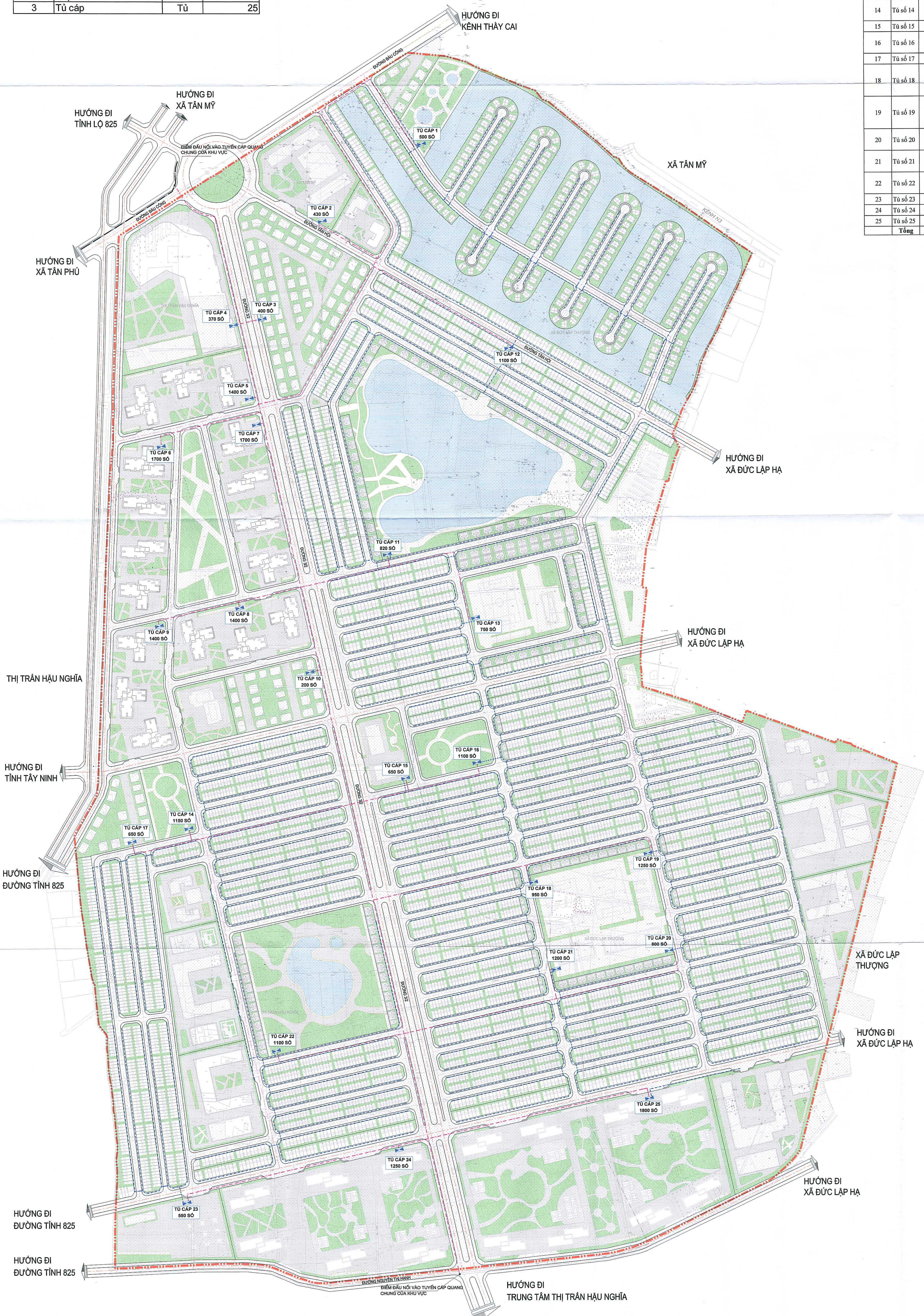
- CÁC TUYẾN ỔNG NHỰA ĐƯỢC CHỖN NGÂM ĐỒ PHÂN VỊ H, TUYẾN ỔNG THÉP KUA ĐƯỜNG CÁCH MẶT ĐƯỜNG 100CM

- CÁC TỬ CẤP ĐƯỢC LẮP ĐẶT TRÊN BÊ XÂY CAO KHỔNG 60 - 70 CM SÓI VỚI HẠ

- TẠI THỊ ĐIỂM LẬP QUY HOẠCH CHIA CỎ CÁC TỬ TIỀN LIÊN LẠC, QUY CHUẨN QUY ĐỊNH VỀ CHỈ TỬ TIỀN THOẠI NHƯ CẦU THÔNG TIN LIÊN LẠC

ĐỂ CỎ CÁC TỬ TIỀN THOẠI NHƯ CẦU THÔNG TIN LIÊN LẠC CHỈ LẠI ĐIỀN CHỈ TIẾT SẼ ĐƯỢC THỂ HIỆN Ở GIAI ĐOẠN SAU.

BẢNG PHÂN VÙNG PHỤ TÀI THÔNG TIN LIÊN LẠC				
TT	Tên tài	Dung lượng tài	Vùng cấp thông tin	Số thuế bao tính toán
1	Tài số 1	500	CCDVO1, BT1, BT2, BT3, BT4, BT5, BT6, BT7, BT8, BT9, BT10, BT11, BT12	498
2	Tài số 2	430	TMN1, CCDT3	424
3	Tài số 3	400	CCBDT	400
4	Tài số 4	370	CCDT1	367
5	Tài số 5	1.400	CCCT1	1.370
6	Tài số 6	1.700	CCCT2	1.690
7	Tài số 7	1.700	CCCT3	1.690
8	Tài số 8	1.400	CCCT4	1.370
9	Tài số 9	1.400	CCCT5	1.370
10	Tài số 10	200	CCDV02, CQHC	183
11	Tài số 11	820	LK9, LK10, LK13, BT15, BT16, BT17	812
12	Tài số 12	1.100	LK1, LK2, LK3, LK4, LK5, LK6, LK7, LK8, BT13, BT14	1.058
13	Tài số 13	750	LK11, LK12, LK14, LK15, LK16, LK17, LK18, BT18, BT19	702
14	Tài số 14	1.150	LK19, LK20, LK21, LK22, LK23, LK24, LK25	1.148
15	Tài số 15	650	LK31, LK32, LK33, LK34, YTDVO	612
16	Tài số 16	1.100	LK30, LK44, LK45, LK46, LK47, LK48, LK49, LK50, BT20, BT11	1.096
17	Tài số 17	650	CCDV03, TDC1, TDC2, TDC3, LK68	621
18	Tài số 18	950	LK35, LK36, LK37, LK38, LK39, LK44, BT22, BT29, BT30, BT31, BT32, BT33, TDTT	938
19	Tài số 19	1.250	LK55, LK56, LK57, LK58, LK59, LK60, LK61, BT23, BT24, BT25, THCS2, TH2, TMN3	1.239
20	Tài số 20	800	LK62, LK63, LK64, LK65, LK66, LK67, BT26, BT27	772
21	Tài số 21	1.200	LK40, LK41, LK42, LK43, LK51, LK52, LK53, LK54, BT28	1.140
22	Tài số 22	1.100	LK26, LK27, LK28, LK29, LK69, BT34, BT35, CXDT3, THCS1, TH1, TMN2	1.094
23	Tài số 23	550	HTKT, TDC1, TDC4, TDC5	533
24	Tài số 24	1.000	NOXH1	1.220
25	Tài số 25	1.800	NOXH2, THPT	1.798
	Tổng	24.370		



KÍ HIỆU:

RANH GIỚI LẬP QUY HOẠCH

CHỈ GIỚI ĐƯỜNG ĐỎ

VÌA HÈ

TIM ĐƯỜNG

TỦ CẤP THÔNG TIN

TỦ CẤP 01
280 SỐ

TÊN TỦ CẤP
SỐ THUÊ BAO

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA			
ĐIỀU HÀNH			
KẾM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ NGÀY..... THÁNG..... NĂM 2021			
CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:			
PHÒNG KINH TẾ VÀ HẠ TÀNG			
KẾM THEO BÁO CÁO THẨM ĐỊNH NGÀY..... THÁNG..... NĂM 2021			
CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:			
ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA			
HỘI ĐỒNG			
HỘI ĐỒNG			
KẾM THEO VĂN BẢN SỐ NGÀY..... THÁNG..... NĂM 2021			
TÊN CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:			
ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT XÂY DỰNG			
TỶ LỆ 1/500 KHU ĐÔ THỊ MỚI HẬU NGHĨA - ĐỨC HÒA			
ĐỊA ĐIỂM: TT HẬU NGHĨA, X.ĐỨC LẬP THƯỢNG, X.TÂN MỸ, H.ĐỨC HÒA, T.LONG AN			
TÊN BẢN VẼ:			
BẢN ĐỒ QUY HOẠCH THÔNG TIN LIÊN LẠC			
BẢN VẼ: QH-12			
GHEP: 1A0		TỶ LỆ:	NGÀY:/2021
THỂ HIỆN	TÀ MINH ĐỨC		
THIẾT KẾ	TÀ MINH ĐỨC		
CHỦ TRÌ	THS. KS. VŨ KHÁNH HOÀNG		
CHỦ NHIỆM	THS. KTS. NGUYỄN MẠNH CƯỜNG		
Q.L.KY THUẬT	THS. KTS. NGUYỄN MAI PHƯƠNG		
VIỆN TRƯỞNG	VIỆN		
	KIẾN TRÚC		
	ĐÓNG		
	GS. TS. KTS. ĐOÀN MINH KHÔI		

BẢN ĐỒ XÁC ĐỊNH KHU VỰC XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NGẦM

Ghi chú : Bãi đỗ xe nội trong khuôn viên các công trình, ranh giới tầng hầm và số tầng hầm sẽ được xác định cụ thể hơn ở bước lập dự án đầu tư



HƯỚNG ĐI KÊNH THẦY CAI

(MIN) MẶT NƯỚC

(MIN) MẶT NƯỚC

TRỤ SỞ : P 101A1, 55 ĐƯỜNG GIẢI PHÓNG-HAI BÀ TRUNG-HÀ NỘI
TEL : 04 3 6 284230 FAX : 04 3 6 284231

TRỤ SỞ : P 101A1, 55 ĐƯỜNG GIẢI PHÓNG-HAI BÀ TRUNG-HÀ NỘI
TEL : 04 3 6 284230 FAX : 04 3 6 284231